



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa xét nghiệm - Bệnh viện Đa khoa Bảo Sơn 2**
Medical Laboratory: **Laboratory Department - Bao Son 2 General Hospital**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Bảo Sơn**
Organization: **Bao Son General Hospital Co., Ltd.**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh, Huyết học**
Field of medical testing: **Biochemistry, Hematology**

Người phụ trách/
Representative: **Lương Thị Thủy**
Luong Thi Thuy

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 244**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO 15189:2022**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày / /2026 đến ngày / /2031

Địa chỉ/ Address: **Số 52 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Thành phố Hà Nội**
No. 52 Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City

Địa điểm/Location: **Số 52 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Thành phố Hà Nội**
No. 52 Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Ha Noi City

Điện thoại/ Tel: **0915850770**

Email: **info@baosonhospital.com**

Website: **www.baosonhospital.com**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 244

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Huyết tương <i>Serum</i> (<i>Li-heparin, NaF</i>)	Định lượng Glucose <i>Determination Glucose</i>	Đo quang <i>Optical</i>	XN-QTKT-SH.01 (2025) (AU480)
2.		Định lượng AST <i>Determination of Aspartat Transaminase (AST)</i>	Động học enzym <i>Enzymatic kinetic</i>	XN-QTKT-SH.02 (2025) (AU480)
3.		Định lượng ALT <i>Determination of Alanine aminotransferase (ALT)</i>	Động học enzym <i>Enzymatic kinetic</i>	XN-QTKT-SH.03 (2025) (AU480)
4.		Định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	So màu enzym <i>Enzymatic colour</i>	XN-QTKT-SH.04 (2025) (AU480)
5.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>	Động học enzym <i>Enzymatic kinetic</i>	XN-QTKT-SH.05 (2025) (AU480)
6.		Định lượng Ure <i>Determination of Urea</i>	Động học enzym <i>Enzyme kinetic</i>	XN-QTKT-SH.06 (2025) (AU480)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS***VILAS Med 244**Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học***Discripline of medical testing: Hematology*

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông -nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Máu toàn phần/ Whole Blood (EDTA)	Đếm số lượng Hồng cầu (RBC) <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	XN-QTKT-HH.01 (2025) (SYSMEX XN1000)
2.		Xác định lượng Huyết sắc tố (HGB) <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Đo quang <i>Optical</i>	XN-QTKT-HH.02 (2025) (SYSMEX XN1000)
3.		Đếm số lượng Bạch cầu (WBC) <i>White blood cell count (WBC)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	XN-QTKT-HH.03 (2025) (SYSMEX XN1000)
4.		Đếm số lượng Tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count (PLT)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	XN-QTKT-HH.04 (2025) (SYSMEX XN1000)

Ghi chú/ Note:

- XN-QTKT...: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa xét nghiệm – Bệnh viện đa khoa Bảo Sơn 2 cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/
It is mandatory for the Laboratory Department - Bao Son 2 General Hospital that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service

